

Bản án số: **06/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 23/02/2022.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngô Phiên;

Ông Thân Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG không tham gia phiên tòa.

Ngày 23/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:150/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2021 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26/01/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1991. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: TDP Ch, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh BG.

* Bị đơn: Anh Dương Văn D, sinh năm 1988. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

ĐKHKT: Thôn YK, xã SK, thành phố BG, tỉnh BG.

Hiện anh Dương Văn D đang chấp hành án phạt tù tại Đội 4, phân trại số 4, Trại giam NgL.

Địa chỉ: Bản BGi, xã ĐH, huyện YT, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng trình bày:

Chị và anh Dương Văn D kết hôn với nhau vào ngày 03/11/2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SK, huyện Yên Dũng (nay là thành phố

Bắc Giang), tỉnh BG. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng nhau ngay, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2011 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn D.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Dương Quang Huy, sinh ngày 27/9/2009, hiện đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: chị xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai bị đơn là anh Dương Văn D trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị H đầu năm 2009. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SK, huyện Yên Dũng (nay là thành phố Bắc Giang), tỉnh BG. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng nhau ngay, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2011 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị Trần Thị H. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện YT giải quyết vụ án ly hôn của anh theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Dương Quang Huy, sinh ngày 27/9/2009, hiện đang ở với chị Hồng. Vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung, anh cũng không có ý kiến gì.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung với anh D; anh D mặc dù có hộ khẩu thường trú tại xã SK, thành phố Bắc Giang, tỉnh BG nhưng hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam đóng trên địa bàn huyện YT, mặt khác anh D đề nghị Tòa án nhân dân huyện YT giải quyết vụ việc ly hôn của anh chị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Chị H, anh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng đều có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SK, huyện Yên Dũng (nay là thành phố Bắc Giang), tỉnh BG. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Chị H xin ly hôn, anh D đồng ý. Cả chị H và anh D đều thừa nhận vợ chồng không hòa hợp, hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay không đoàn tụ được, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Chị H và anh D đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Dương Quang Huy, sinh ngày 27/9/2009. Chị H có nguyện vọng nuôi con, anh D đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi con chung. Mặt khác, cháu Huy có bản khai thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy anh Huy đang phải chấp hành án tù nên cần giao cháu Huy cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81,

Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Dương Văn D.

2. Về việc nuôi con: Giao Dương Quang Huy, sinh ngày 27/9/2009 cho chị Trần Thị H tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Hồng đã nộp tại biên lai số 0008543 ngày 22/10/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện YT thu. Xác nhận chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- VKSND Tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện YT;
- UBND xã nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng